TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 16 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Trường và bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 02/2023/TLST - HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 đối với:

Bị cáo Nông Văn T; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 06 tháng 3 năm 1963, tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 08/10; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ chính quyền, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Con ông Nông Văn C, đã chết; Con bà Nông Thị H, sinh năm 1933; Vợ: Ngọc Thị P, sinh năm 1963; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- Bị hại: Nông Văn N, sinh năm 1970; trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người làm chứng: Hoàng Thị D, sinh năm 1984; trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, trưa ngày 05/10/2022, ông Nông Văn N, sinh năm 1970, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng gặp Nông Văn T, sinh năm

1963 là hàng xóm. Ông N chửi T về việc chất thải từ chuồng gia súc nhà T chảy ra đường phía trước sân nhà ông N gây mùi hôi thối. Được mọi người can ngăn thì sự việc dừng lại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, ông N say rượu đứng ở trước cửa nhà chửi về hướng nhà T. Nông Văn K là cháu của Nông Văn T đi học về thấy vậy liền chửi nhau với ông N. Được hai bên gia đình can ngăn thì ai về nhà đấy. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, ông N đi bộ qua sau nhà T. Thấy T đang ở bếp, ông N chửi T và nhặt đá ném qua cửa sổ vào trong bếp nhà T nhưng không trúng ai. Sau đó, ông N lại nhặt đá ném lần thứ hai vào trong bếp thì một viên trúng chấn song sắt cửa sổ vỡ văng trúng trán của T. Ông N dùng tay trái chỉ vào hướng T chửi. Lúc này, T bực tức lấy con dao thái thịt của gia đình treo ở trên tường chém trúng mu bàn tay trái ông N làm ông N bị thương và được người nhà đưa đi Bệnh viện đa khoa huyện T điều trị. Sau khi xảy ra vụ việc, ông Nông Văn N có đơn yêu cầu cơ quan chức năng xử lý hành vi của Nông Văn T theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/22TgT ngày 20/10/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế Cao Bằng kết luận vết thương phần mềm bàn tay trái của Nông Văn N có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%.

Sau khi xảy ra vụ việc, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ 01 con dao bằng kim loại cán màu đen dài khoảng 11cm, lưỡi dài khoảng 25cm và nhiều cục đá trên nền nhà Nông Văn T trong đó có 03 hòn đá có bám dính chất bột màu nâu đỏ.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTK ngày 16 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Nông Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn T thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo, mục đích dùng dao chém vào tay ông N là để dọa, không cho ông N chửi và ném đá vào nhà nữa. Do sau khi sự việc xảy ra, hai bên không thỏa thuận được về phần bồi thường nên bị cáo đã tự nguyện nộp tiền vào chi cục thi hành án dân sự huyện để bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Nay, nếu bị hại yêu cầu bồi thường số tiền lớn hơn mà hợp lý thì bị cáo cũng nhất trí bồi thường thêm.

Tại phiên tòa, bị hại Nông Văn N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, gồm các chi phí điều trị, bồi dưỡng sức khỏe, tiền chi phí xe đi lại, giám định, tiền mất thu nhập, tiền công người chăm sóc...; về hình phạt đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "*Cố ý gây thương tích"*.

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông

Văn T từ 06 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 - 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 và 590 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường của bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho bị hại Nông Văn N số tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao đã được niêm phong, trên bề mặt ghi: "Vật chứng (Dao) vụ cố ý gây thương tích, xảy ra ngày 05/10/2022; 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi: "Các cục đá bị tạm giữ ngày 05/10/2022 tại chỗ ở của Nông Văn T".

Về án phí: Bị cáo Nông Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý bồi thường cho bị hại tổng số tiền 10.000.000 đồng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, biên bản vụ việc, kết luận giám định pháp y và tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ, nên có cơ sở để kết luận: Do có mâu thuẫn về việc chất thải chuồng trâu bò nhà Nông Văn T chảy ra đường phía trước sân nhà Nông Văn N gây ô nhiễm môi trường, khoảng 18 giờ ngày 05/10/2022, khi Nông Văn T đang ở trong bếp nhà mình thì bị Nông Văn N đứng ở ngoài chửi và dùng đá ném qua cửa sổ nhà bếp trúng vào trán Nông Văn T. T bực tức cầm lấy con dao thái thịt của gia đình treo ở tường nhà bếp chém vào tay Nông Văn N. Hậu quả ông Nông Văn N bị thương với tỷ lệ thương tích 02%.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, gây mất ổn định trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng dao là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp để thực hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội *"Cố ý gây thương tích"* như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả; bị cáo phạm tội một phần cũng có lỗi của bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội một phần cũng có lỗi của bị hại, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là hơi nặng vì bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội một phần có lỗi của bị hại, thương tích của bị hại chỉ là 02%, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt nhẹ hơn hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi nên bị hại cũng phải chịu trách nhiệm đối với phần lỗi của mình.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường tổng là 10.000.000 đồng tiền bị cáo bồi thường cho bị hại, bị hại đã nhất trí và không đề nghị gì thêm. Xét thấy, sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận.

Xác nhận bị cáo Nông Văn T đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo Biên lai thu tiền số 0004250 ngày 28/12/2022. Nay bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 con dao đã được niêm phong, trên bề mặt ghi: "Vật chứng (Dao) vụ cố ý gây thương tích, xảy ra ngày 05/10/2022. *Đây là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.*

- 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi: "Các cục đá bị tạm giữ ngày 05/10/2022 tại chỗ ở của Nông Văn T". *Xét đây là các vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.*

[7] Đối với hành vi dùng đá ném vào nhà người khác của Nông Văn N, Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N là đúng theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nông Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Nông Văn T và bị hại Nông Văn N, bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho bị hại Nông Văn N, sinh năm: 1970, trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền là 10.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo Nông Văn T đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo Biên lai thu tiền số 0004250 ngày 28/12/2022. Nay bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao đã được niêm phong, trên bề mặt ghi: "Vật chứng (Dao) vụ cố ý gây thương tích, xảy ra ngày 05/10/2022; 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi: "Các cục đá bị tạm giữ ngày 05/10/2022 tại chỗ ở của Nông Văn T".

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận ngày 17/01/2023.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Văn Viên